



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1403/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 25 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội
bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao
Bằng tại Tờ trình số 2549/TTr-SNN ngày 30 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 23 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh
vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng (có
Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với
các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát các thủ tục hành chính được công bố tại Điều
1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn
giản hóa đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban,
ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân
các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Trường Huy

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN,
UBND CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG

*(Kèm theo Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (04 TTHC)	
1	Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác
2	Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác
3	Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác
4	Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác
II	LĨNH VỰC THÚ Y (09 TTHC)	
1	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương	UBND huyện, UBND tỉnh
7	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi cấp huyện	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố, UBND huyện/thành phố, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi
8	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi cấp huyện	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố, UBND huyện/thành phố
9	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương	UBND xã; UBND huyện
III LĨNH VỰC THUỶ SẢN (01 TTHC)		
1	Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
IV LĨNH VỰC NÔNG THÔN MỚI (02 TTHC)		
1	Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	UBND huyện, UBND tỉnh
2	Thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	UBND huyện, UBND tỉnh
V LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (03 TTHC)		

1	Thu hồi danh hiệu “Làng nghề”	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh
2	Thu hồi danh hiệu “Làng nghề truyền thống	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh
3	Thu hồi danh hiệu “Nghề truyền thống”	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh
VI	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (02 TTHC)	
1	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
VII	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (02 TTHC)	
1	Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hoá tập trung	UBND tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Tên thủ tục: Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng dự án thành lập khu rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Bước 2: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp).

- Bước 3: Tổng hợp ý kiến góp ý, thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu rừng đặc dụng: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Chi cục Kiểm lâm tổng hợp ý kiến góp ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan; đồng thời tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thẩm định; lập Tờ trình thành lập khu rừng đặc dụng gửi UBND tỉnh.

- Bước 4: Xem xét quyết định thành lập khu rừng đặc dụng: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét quyết định thành lập khu rừng đặc dụng.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Tờ trình thành lập khu rừng đặc dụng (bản chính).
- Dự án thành lập khu rừng đặc dụng (bản chính).
- Bản đồ hiện trạng khu rừng đặc dụng (bản chính) tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 tùy theo quy mô diện tích của khu rừng đặc dụng.

- Tổng hợp ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

- Kết quả thẩm định.

1.4. Thời hạn giải quyết: 80 ngày làm việc kể từ ngày gửi lấy ý kiến.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định Thành lập khu rừng đặc dụng của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.8. Phí , lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

- Có dự án thành lập khu rừng đặc dụng phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp

cấp quốc gia, không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.

- Đáp ứng các tiêu chí đối với từng loại rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017.

- Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tên thủ tục: Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng Dự án thành lập khu rừng phòng hộ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu văn bản đề nghị các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan cho ý kiến về Dự án (gửi kèm dự án thành lập khu rừng phòng hộ).

- Bước 2: Lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý, cơ quan tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

- Bước 3: Tổng hợp ý kiến góp ý, thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu rừng phòng hộ: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Chi cục Kiểm lâm tổng hợp ý kiến góp ý các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan; đồng thời tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thẩm định; lập Tờ trình thành lập khu rừng phòng hộ và dự thảo Quyết định thành lập khu rừng phòng hộ trình UBND tỉnh.

- Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định thành lập khu rừng phòng hộ: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định thành lập khu rừng phòng hộ.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý khu rừng phòng hộ (bản chính)

- Dự án thành lập khu rừng phòng hộ (bản chính)

- Bản đồ hiện trạng khu rừng phòng hộ (bản chính) tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 tùy theo quy mô diện tích của khu rừng phòng hộ.

- Tổng hợp ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.
- Kết quả thẩm định.

2.4. Thời hạn giải quyết: 80 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định Thành lập khu rừng phòng hộ của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

- Có dự án thành lập khu rừng phòng hộ phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia.

- Đáp ứng các tiêu chí đối với từng loại rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 7 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017.

- Khoản 5 Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tên thủ tục: Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên.

- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên.

- Bước 3: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án đóng hoặc mở cửa rừng.

- Bước 4: Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên: 10 ngày (sau khi được HĐND tỉnh thông qua đề án đóng hoặc mở cửa rừng).

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên.

3.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Chủ tịch UBND tỉnh, HĐND tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên của Chủ tịch UBND tỉnh.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017.

- Khoản 5 Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Tên thủ tục: Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng

4.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Quý III hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt:

Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng cấp huyện và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Trong trường hợp hồ sơ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng chưa hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện.

- Bước 3: Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, hằng năm của cấp huyện xong trước ngày 31 tháng 12.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ gồm:

- Tờ trình.

- Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng.

- Bản đồ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng.

4.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4.6. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyết định TTHC: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.7. Kết quả thực hiện TTHC: Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

4.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Tờ trình UBND cấp huyện theo mẫu 05 phụ lục II, kèm theo Nghị định 91/2024/NĐ-CP.

- Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT theo mẫu 06 phụ lục II, kèm theo Nghị định 91/2024/NĐ-CP.

- Quyết định phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo mẫu 07 phụ lục II, kèm theo Nghị định 91/2024/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

II. LĨNH VỰC THUỸ SẢN (09 TTHC)

1. Tên thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi của tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi tham mưu trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công bố dịch bệnh động vật.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soát xét, ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công bố dịch bệnh động vật.

- Bước 3: Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định công bố dịch khi có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

1.4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: UBND tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn

1.8. Phí , lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới; dịch bệnh xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh.

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015

- Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tên thủ tục: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi tham mưu trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hết dịch bệnh động vật.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soát xét, ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hết dịch bệnh động vật.

- Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Văn bản thẩm định, chấp thuận công bố hết dịch của Cục Thú y.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính. Việc công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm các điều kiện sau đây:

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố.

- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật miễn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật miễn cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

- Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y.

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm

theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.
- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

3. Tên thủ tục: Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi tham mưu trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soát xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp.

- Bước 3: Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời, công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

3.3. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính. Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Trường hợp vùng biên giới nước láng giềng có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

- Có văn bản đề nghị công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y ngày 19/6/2015.

- Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Tên thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật thủy sản

4.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi tham mưu trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soát xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

- Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34, Luật Thú y:

+ Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

+ Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

+ Có văn bản đề nghị công bố dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

4.3. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

4.4. Thời hạn giải quyết: 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính. Công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch

xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật;

- Có văn bản đề nghị công bố dịch của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y ngày 19/6/2015.

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Tên thủ tục: Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản

5.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sau ít nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xử lý xong ổ dịch cuối cùng mà không phát sinh ổ dịch mới và đã thực hiện các biện pháp quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều 36 của Luật Thú y, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi có báo cáo bằng văn bản và đề nghị Cục Thú y thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

- Bước 2: Cục Thú y trực tiếp hoặc ủy quyền cho Cơ quan Thú y vùng tổ chức thẩm định Điều kiện công bố hết dịch trong thời gian không quá 48 giờ đối với các xã thuộc vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Chi cục Thú y.

- Bước 3: Căn cứ kết quả thẩm định của Cục thú y; Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi tham mưu cho Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 36, Luật Thú y:

+ Không phát sinh ổ dịch bệnh động vật mới kể từ khi ổ dịch bệnh động vật cuối cùng được xử lý theo quy định đối với từng bệnh.

+ Đã áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật mắc cảm với bệnh dịch động vật trong vùng có dịch.

+ Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi và được Cục Thú y thẩm định, công nhận.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

5.3. Thành phần hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Hồ sơ Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi gửi Cục Thú y thẩm định: Văn bản

đề nghị thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

- Hồ sơ Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố hết dịch:

+ Văn bản trả lời của Cục Thú y.

+ Tổng hợp báo cáo thẩm định điều kiện công bố hết dịch.

5.4. Thời hạn giải quyết

Thẩm định Điều kiện công bố hết dịch trong vòng 48 giờ đối với các xã thuộc vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản.

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Không phát sinh ổ dịch bệnh động vật mới kể từ khi ổ dịch bệnh động vật cuối cùng được xử lý theo quy định đối với từng bệnh.

- Đã áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật mắc cảm với bệnh dịch bệnh động vật trong vùng có dịch.

- Đã thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với vùng có dịch.

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi được Cục Thú y hoặc Chi cục Thú y vùng 3 thẩm định, công nhận.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thú y ngày 19/6/2015.

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Tên thủ tục: Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí.

6.4. Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

6.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

7. Tên thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố dịch bệnh động vật.

- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố.

- Văn bản chấp thuận công bố hết dịch của Cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

- Biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7.4. Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

7.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

8. Tên thủ tục: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

8.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch bệnh động vật.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố.

- Văn bản chấp thuận công bố hết dịch của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố.

- Biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố.

8.4. Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

8.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/thành phố.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.

8.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính. Việc công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm các điều kiện sau đây:

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố.

- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật mắc bệnh với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật mắc bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

- Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y.

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

- Thông tư số 07/2016/BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

9. Tên thủ tục: Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Bước 2: UBND cấp huyện quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị hỗ trợ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

9.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

III. LĨNH VỰC THỦY SẢN (01 TTHC)

1. Tên thủ tục: Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương.

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi tham mưu xây dựng dự thảo Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, điều chỉnh và bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

- Bước 3: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi xây dựng Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

1.4. Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14.

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

IV. LĨNH VỰC NÔNG THÔN MỚI (02 TTHC)

1. Tên thủ tục: Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

+ Ủy ban nhân dân xã tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã; báo cáo được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn, bản, ấp và trên hệ thống truyền thanh của xã ít nhất 05 lần trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân.

+ Ủy ban nhân dân xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã.

- Bước 2: Hoàn thiện hồ sơ

UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban quản lý xã, các Ban phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện.

- Bước 3: Gửi hồ sơ đề nghị xét, công nhận

UBND cấp xã gửi hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân nâng cao, Ủy ban nhân dân kiểu mẫu qua bưu điện hoặc gửi trực tiếp về UBND cấp huyện.

- Bước 4: Tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến

+ Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã và nêu rõ lý do.

+ UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận; xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; thông báo rộng rãi dự thảo báo cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện; bổ sung hoàn thiện báo cáo đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

+ Mặt trận Tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông

thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ

UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện - viết tắt là Ban Chỉ đạo cấp huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp tỉnh.

- Bước 6: Tổ chức thẩm định, công nhận

+ Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (gọi chung là Hội đồng thẩm định cấp tỉnh), gồm đại diện lãnh đạo các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp tỉnh là một lãnh đạo UBND cấp tỉnh phụ trách Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

+ Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh dự họp). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn.

- Bước 7: Công bố

+ Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu được công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của cấp tỉnh.

+ Chủ tịch UBND cấp huyện công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; thời hạn tổ chức công bố không quá 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận (trừ trường hợp địa phương thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội do phòng chống dịch bệnh, hoặc địa phương thực hiện khắc phục thiệt hại do thiên tai).

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu điện

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: 01 bộ

(i) Hồ sơ gửi UBND cấp huyện:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Biên bản cuộc họp của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08 kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Báo cáo của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính).

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã.

(ii) Hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh:

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Biên bản cuộc họp của UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 21, Mẫu số 22, Mẫu số 23 kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 27 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn

mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính).

- Kèm theo hồ sơ của UBND xã đã gửi UBND cấp huyện.

1.4. Thời hạn giải quyết

- Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng: 15 ngày.

- UBND cấp huyện trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- UBND cấp tỉnh trả lời UBND cấp huyện về hồ sơ hợp lệ để cết, công nhận: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Công bố quyết định: 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo mẫu số 34.1 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định 18/2022/QĐ-TTg.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Biên bản cuộc họp của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã

- Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã.

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã.

- Biên bản cuộc họp của UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã.

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã.

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng

cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khi.

- Đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM nâng cao); Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM kiểu mẫu).

- Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ Công an.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../TTTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....,
tỉnh/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND xã..... đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm

UBND xã kính trình UBND huyện/thành phố..... thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND xã..... đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu..... (bản chính).

2. Báo cáo của UBND xã..... về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu của xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu).

3. Báo cáo của UBND xã tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm của xã.....(bản chính).

4. Báo cáo của UBND xã..... về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã..... (bản chính).

5. Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu của xã.....

Kính đề nghị UBND huyện/thành phố, tỉnh/thành phố xem xét, thẩm tra.

**TM. UBND XÃ...
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH**Đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND huyện/thành phố đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm

UBND huyện/thành phố kính trình UBND tỉnh/thành phố thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND huyện/thành phố đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....(bản chính).

2. Báo cáo của UBND huyện/thành phố..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm đối với xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí xã: nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu đối với xã).

3. Báo cáo của UBND huyện/thành phố..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện/thành phố đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm đối với xã..... (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc huyện/thành phố về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ của UBND xã..... nộp để thẩm tra)

Kính đề nghị UBND tỉnh/thành phố xem xét, thẩm định.

Nơi nhận:
- Như trên;**TM. UBND HUYỆN/TP...**
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm..... của xã,
 huyện/thành phố, tỉnh/thành phố**

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
 2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn
 - a) Công tác truyền thông.
 - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
 3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
 - a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
 - b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
 - c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.
 4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới
- Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:
- Ngân sách trung ương: triệu đồng, chiếm %;
 - Ngân sách cấp tỉnh: triệu đồng, chiếm %;
 - Ngân sách cấp huyện: triệu đồng, chiếm %;
 - Ngân sách xã: triệu đồng, chiếm %;
 - Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: ... triệu đồng, chiếm %;
 - Vốn tín dụng: triệu đồng, chiếm %;
 - Doanh nghiệp: triệu đồng, chiếm %;
 - Nhân dân đóng góp: triệu đồng, chiếm %.
 - Vốn huy động khác (nếu có): triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/..... (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể (cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):

1. Tiêu chí số về
- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng đã thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).
- n. Tiêu chí số về
- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng đã thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ ...
CHỦ TỊCH
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ
NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....**

của xã, huyện/thành phố, tỉnh/thành phố

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày...tháng...năm 20... của UBND xã)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.			
		1.2.			
				
2		2.1.			
		2.2.			
				
...				

Mẫu số 04

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ....**

Số: .../BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm của xã
....., huyện/thành phố, tỉnh/thành phố**

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn
 - a) Công tác truyền thông.
 - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
 - a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
 - b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
 - c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới nâng cao
 Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó..... (cần
 nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

IV. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

1. Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm..... (cần
 nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định
 công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới).

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo
 quy định là/..... (tổng số) tiêu chí, đạt%, cụ thể (cần đánh giá cụ thể:
 khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%)
 đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng đã thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí(tự đánh giá trên cơ sở kết
 quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

2.n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng đã thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (tự đánh giá trên cơ sở
 kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM**

của xã, huyện/thành phố, tỉnh/thành phố

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày ...tháng... năm 20... của UBND xã)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.			
		1.2.			
				
2		2.1.			
		2.2.			
				
....				

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về đến năm ...
của xã, huyện/thành phố, tỉnh/thành phố**

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn
 - a) Công tác truyền thông.
 - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
 - a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
 - b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
 - c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.
4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu
Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó..... (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

IV. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

1. Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao năm..... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao).
 2. Thu nhập bình quân đầu người của xã.
 3. Có mô hình thôn thông minh (cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện từng mô hình).
 4. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về (cần nêu cụ thể lĩnh vực kiểu mẫu của xã: về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự..)
Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực..... là/..... (tổng số) tiêu chí, đạt % , cụ thể (cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):
- 4.1. Tiêu chí số về

- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng đã thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.n. Tiêu chí số..... về

- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng đã thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG
THÔN MỚI KIỂU MẪU VỀ... ĐẾN NĂM...**

của xã....., huyện/thành phố, tỉnh/thành phố

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày:.. tháng ... năm 20... của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể UBND cấp tỉnh quy định)	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.			
		1.2.			
		...			
2		2.1.			
		2.2.			
		...			
...		...			

Mẫu số 07**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu đến năm... trên địa bàn xã..., huyện/thành phố..., tỉnh/thành phố...****I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia**

-

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm trên địa bàn xã

1. Ý kiến tham gia của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,...)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã**TM. UBND XÃ...****CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***Nơi nhận:**

-

-

- Lưu: VT,

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/
nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ...**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND xã..... về tổng
hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông
thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu năm của xã.

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND xã..... về kết quả
thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới
kiểu mẫu năm của xã.

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND xã
..... (huyện/thành phố, tỉnh/thành phố.....) tổ chức họp đề nghị
xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới
kiểu mẫu năm, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã báo cáo kết quả: Tự đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông
thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu của xã; tổng hợp ý kiến
tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông thôn mới
nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu của xã.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị,
xét công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông
thôn mới kiểu mẫu năm, cụ thể như sau:

-

3. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công
nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu
mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt %.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho
các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí %.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã
lưu..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới
gửi UBND huyện/thành phố..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(ký ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

Mẫu số 07

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND huyện/thành phố về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm đối với xã

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND huyện/thành phố về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm đối với xã

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND huyện/thành phố (tỉnh/thành phố) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện/thành phố trình bày Báo cáo: Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm đối với xã; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm đối với xã

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện/thành phố trình bày Báo cáo kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm, cụ thể như sau:

-
-

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới

kiểu mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí..... %.

Biên bản này được lập thànhbản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện/thành phố lưu..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND tỉnh/thành phố..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm đối với
xã, huyện/TP, tỉnh/TP**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);
 Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);
 Căn cứ đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số/TTr-UBND
 ngày/...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn
 mới năm.....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới
 trên địa bàn xã, UBND huyện/thành phố báo cáo kết quả thẩm
 tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm..... đối với xã....., cụ thể
 như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ
2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới
3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới (*cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể*)
 - 3.1. Tiêu chí số về:
 - a) Yêu cầu của tiêu chí:
 - b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
 - c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).
 - 3.n. Tiêu chí số về:
 - a) Yêu cầu của tiêu chí:
 - b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
 - c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).
4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã NTM
 -

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã đã được UBND huyện/thành phố thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là:/19 tiêu chí, đạt %.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

-

-

III.**KIẾN NGHỊ**

1.

n.

TM. UBND HUYỆN/TP...**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***Nơi nhận:**

-

-

- Lưu: VT,

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....**đối với xã, huyện/thành phố, tỉnh/thành phố***(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày... tháng... năm 20..... của UBND huyện/TP.....)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/TP
1		1.1.			
		1.2.			
				
2		2.1.			
		2.2.			
				
....				

Mẫu số 11**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm
..... đối với xã, huyện/TP, tỉnh/TP**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);
 Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);
 Căn cứ đề nghị của UBND xã..... tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày
/...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới
 nâng cao năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới
 nâng cao trên địa bàn xã, UBND huyện/thành phố báo cáo kết quả
 thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm đối với
 xã, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ
2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao
3. Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm..... (*cần
 nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định
 công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới*).
4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới
 nâng cao (*cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể*)
 - 4.1. Tiêu chí số về:
 - a) Yêu cầu của tiêu chí:
 - b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
 - c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... (*đánh giá trên cơ sở kết quả
 thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).
 - 4.n. Tiêu chí số về:
 - a) Yêu cầu của tiêu chí:
 - b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
 - c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (*đánh giá trên cơ sở kết*

quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

.....

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

.....

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã đã được UBND huyện/thành phố thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là:/19 tiêu chí, đạt %.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

-

-

III. KIẾN NGHỊ

1.

n.

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND HUYỆN/TP...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM.....**

đối với xã, huyện/thành phố, tỉnh/thành phố

*(Kèm theo Báo cáo số.../BC-UBND ngày tháng... năm 20..... của UBND
huyện/TP.....)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/TP
1		1.1.			
		1.2.			
				
2		2.1.			
		2.2.			
				
....				

Mẫu số 12**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về
.....nămđối với xã, huyện//TP, tỉnh/TP**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã..... tại Tờ trình số/TTr-UBND
ngày/...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn
mới kiểu mẫu về năm..... ;Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới
kiểu mẫu về trên địa bàn xã, UBND huyện/thành phố báo cáo
kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu về
năm đối với xã, cụ thể như sau:**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ
2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu
3. Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm
..... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền
quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).
4. Về thu nhập bình quân đầu người của xã.
5. Về mô hình thôn thông minh (cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện từng mô hình).
6. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu
mẫu về (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể)
 - 6.1. Tiêu chí số về:
 - a) Yêu cầu của tiêu chí:
 - b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.
 - c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... (đánh giá trên cơ sở kết quả
thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).
 - 6.n. Tiêu chí số về:
 - a) Yêu cầu của tiêu chí:
 - b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có)..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí.....(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

7. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu về

8. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM nâng cao/kiểu mẫu

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về của xãđã được UBND huyện/ thành phố.....thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về tính đến thời điểm thẩm tra là:/tổng sốtiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, đạt %.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu về

III.

KIẾN NGHỊ

1.

n.

TM. UBND HUYỆN/TP...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU VỀ... ĐẾN NĂM...**

đối với xã, huyện/thành phố, tỉnh/thành phố.....

*(Kèm theo Báo cáo số.../BC-UBND ngày... tháng năm 20..... của UBND
huyện/TP...)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể UBND cấp tỉnh quy định)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/TP
1		1.1.			
		1.2.			
				
2		2.1.			
		2.2.			
				
....				

Mẫu số 13**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn
xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu
năm.... đối với xã, huyện/TP, tỉnh/TP****I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/TP tổ chức lấy ý kiến tham gia**

-

-

**II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt
chuẩn xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu
năm đối với xã**1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của
huyện/thị xã/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện/thị xã/thành
phố (tên đơn vị, tổ chức:

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

**III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thị
xã/thành****Nơi nhận:**

-

- Lưu VT.

TM. UBND HUYỆN/TP...**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

2. Tên thủ tục: Thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến: UBND cấp huyện tổ chức xây dựng báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã trên địa bàn cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử của cấp huyện trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi đến Nhân dân.

- **Bước 2:** Hoàn thiện hồ sơ: UBND cấp huyện bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và UBND xã trên địa bàn cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; gửi hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đối với từng xã không đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp hoặc qua bưu điện.

- **Bước 3:** Tổ chức thẩm định, thu hồi quyết định công nhận

+ Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thì UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị thu hồi quyết định công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ không đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh; công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của cấp tỉnh.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu điện

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: 01 bộ, gồm:

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính).

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính).

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng: 15 ngày;
- UBND cấp tỉnh trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính).
- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới năm của xã

.....

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Xã..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM).

2. (cần nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM).

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới

1. Về chỉ đạo, điều hành

2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Về huy động nguồn lực (từ khi xã được công nhận đạt chuẩn NTM đến thời điểm đánh giá)

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM

1. Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã đã được UBND huyện/thành phố đánh giá không đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm đánh giá (tháng.../20...) là:/19 tiêu chí, chiếm%, cụ thể (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí):

1.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng đã thực hiện:

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

1.n. Tiêu chí số về

- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
- c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

2. Đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã:

-
-

V. Kết luận (cần khẳng định rõ xã đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)

-
-

VI. Kiến nghị

-
-

TM. UBND HUYỆN/TP...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NĂM

của xã

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày... tháng ... năm 20 của UBND huyện/TP.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả đánh giá
1		1.1.		
		1.2.		
		...		
2		2.1.		
		2.2.		
		...		
...		...		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao
năm của xã**

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao).

2..... (cần nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM nâng cao).

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Về chỉ đạo, điều hành

2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Về huy động nguồn lực (từ khi xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao đến thời điểm đánh giá)

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã.....đã được UBND huyện/thị xã/thành phố..... đánh giá không đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm đánh giá (tháng.../20...) là:/19 tiêu chí, chiếm.....%, cụ thể (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí):

1.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng đã thực hiện:

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

1.n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng đã thực hiện:

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí.....(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

2. Đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã:

-

-

V. Kết luận (cần khẳng định rõ xã đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)

-

-

VI. Kiến nghị

-

-

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND HUYỆN/TP...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM...

của xã

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày ... tháng... năm 20 ... của UBND huyện/TP.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả đánh giá
1		1.1.		
		1.2.		
		...		
2		2.1.		
		2.2.		
		...		
...		...		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm
..... của xã**

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu).

2..... (cần nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM nâng cao/kiểu mẫu).

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu

1. Về chỉ đạo, điều hành

2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Về huy động nguồn lực (từ khi xã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu đến thời điểm đánh giá)

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã đã được UBND huyện/thành phố đánh giá không đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm đánh giá (tháng.../20...) là:/19 tiêu chí, chiếm%, cụ thể (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí):

1.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng đã thực hiện:

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

- 1.n. Tiêu chí số về
- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện:
- Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng đã thực hiện:
- c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

2. Đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã:

-
-

V. Kết luận (cần khẳng định rõ xã đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)

-
-

VI. Kiến nghị

-
-

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND HUYỆN/TP...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM...

của xã

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày ... tháng... năm 20 của UBND huyện/TP...)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả đánh giá
1		1.1.		
		1.2.		
			
2		2.1.		
		2.2.		
		...		
....			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/TP....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm của xã.....

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/TP tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm của xã

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện/thành phố (tên đơn vị, tổ chức:)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thành phố

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thị xã/thành phố

Nơi nhận:

-

TM. UBND HUYỆN/TP..

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

V. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (03 TTHC)

1. Tên thủ tục: Thu hồi danh hiệu “Làng nghề”

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Hàng năm trước ngày 30/6 và ngày 30/9, UBND huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện) tổng hợp danh sách và có văn bản đề nghị thu hồi bằng công nhận “Làng nghề”, kèm theo hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ gồm (Tờ trình đề nghị thu hồi bằng công nhận “Làng nghề” và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Làng nghề và đề xuất thu hồi của cấp xã).

- Bước 2: Đoàn công tác kiểm tra liên ngành đi kiểm tra thực tế tại “Làng nghề” và đánh giá thực trạng có biên bản làm việc tại Làng nghề trong vòng 16 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của UBND cấp huyện. (Đoàn công tác kiểm tra liên ngành do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập).

- Bước 3: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ biên bản làm việc tại Làng nghề và đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) của Chính phủ, xây dựng Tờ trình đề nghị thu hồi và dự thảo Quyết định thu hồi bằng công nhận “Làng nghề” trình UBND Tỉnh trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra.

- Bước 4: Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND Tỉnh ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Làng nghề”.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Hồ sơ của UBND huyện, thành phố tiếp nhận trực tiếp tại Chi cục Phát triển nông thôn Cao Bằng - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 104, đường Hoàng Văn Thụ, phường Hợp Giang, tỉnh Cao Bằng).

- Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Cao Bằng.

- Nộp qua Hệ thống bưu chính công ích.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị thu hồi bằng công nhận “Làng nghề” (bản chính).

- Văn bản đề nghị thu hồi của UBND quận, huyện (bản chính).

1.4. Thời hạn giải quyết: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: UBND cấp huyện, Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND Tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Làng nghề”.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01, Mẫu số 02.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Làng nghề không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) ngày 12/4/2018 của Chính phủ, cụ thể:

- Không có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4, Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) ngày 12/4/2018.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh không ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị thu hồi.

- Không đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ: Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Tên thủ tục: Thu hồi danh hiệu “Làng nghề truyền thống”

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hàng năm trước ngày 30/6 và ngày 30/9, UBND huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện) tổng hợp danh sách và có văn bản đề nghị thu hồi bằng công nhận “Làng nghề truyền thống”, kèm theo hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ gồm (Tờ trình đề nghị thu hồi bằng công nhận “Làng nghề truyền thống” và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Làng nghề và đề xuất thu hồi của cấp xã).

- Bước 2: Đoàn công tác kiểm tra liên ngành đi kiểm tra thực tế tại “Làng nghề truyền thống” và đánh giá thực trạng có biên bản làm việc tại Làng nghề trong vòng 16 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của UBND cấp huyện. (Đoàn công tác kiểm tra liên ngành do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập).

- Bước 3: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ biên bản làm việc tại Làng nghề và đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) của Chính phủ, xây dựng Tờ trình đề nghị thu hồi và dự thảo Quyết định thu hồi bằng công nhận “Làng nghề truyền thống” trình UBND Tỉnh trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra.

- Bước 4: Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND Tỉnh ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Làng nghề truyền thống”.

2.2. Cách thức thực hiện

- Hồ sơ của UBND huyện, thành phố tiếp nhận trực tiếp tại Chi cục Phát triển nông thôn Cao Bằng - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 104, đường Hoàng Văn Thụ, phường Hợp Giang, tỉnh Cao Bằng).

- Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Cao Bằng.

- Nộp qua Hệ thống bưu chính công ích.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

+ Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị thu hồi bằng công nhận “Làng nghề truyền thống” (bản chính, theo Mẫu số 01).

+ Văn bản đề nghị thu hồi của UBND huyện, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 02) .

2.4. Thời hạn giải quyết: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: UBND cấp huyện, Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND Tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Làng nghề truyền thống”.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01, Mẫu số 02.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ

- Làng nghề không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4, Điều 5, Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) ngày 12/4/2018 của Chính phủ, cụ thể:

- Làng nghề truyền thống không đạt tiêu chí làng nghề quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) và không có nghề truyền thống nào theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) của Chính phủ.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ

Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Tên thủ tục: Thu hồi danh hiệu “Nghề truyền thống”

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hàng năm trước ngày 30/6 và ngày 30/9, UBND huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện) tổng hợp danh sách và có văn bản đề nghị thu hồi bằng công nhận “Nghề truyền thống”, kèm theo hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ gồm (Tờ trình đề nghị thu hồi bằng công nhận “Nghề truyền thống” và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Làng nghề và đề xuất thu hồi của cấp xã).

- Bước 2: Đoàn công tác kiểm tra liên ngành đi kiểm tra thực tế tại địa phương có “Nghề truyền thống” và đánh giá thực trạng có biên bản làm trong vòng 16 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ của UBND cấp huyện. (Đoàn công tác kiểm tra liên ngành do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập).

- Bước 3: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ biên bản làm việc tại địa phương có “Nghề truyền thống” và đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) của Chính phủ, xây dựng Tờ trình

đề nghị thu hồi và dự thảo Quyết định thu hồi bằng công nhận “Nghề truyền thống” trình UBND tỉnh trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra.

- Bước 4: Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND Thành phố ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Nghề truyền thống”.

3.2. Cách thức thực hiện

- Hồ sơ của UBND huyện, thành phố tiếp nhận trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Phát triển nông thôn Cao Bằng - Địa chỉ: Số 104, đường Hoàng Văn Thụ, phường Hợp Giang, tỉnh Cao Bằng).

- Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Cao Bằng.
- Nộp qua Hệ thống bưu chính công ích.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:
 - + Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị thu hồi bằng công nhận “Nghề truyền thống” (bản chính).
 - + Văn bản đề nghị thu hồi của UBND huyện, thành phố (bản chính).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

3.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: UBND cấp huyện, Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND Tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định thu hồi bằng công nhận danh hiệu “Nghề truyền thống”.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): không quy định

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01, Mẫu số 02

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Làng nghề không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) ngày 12/4/2018 của Chính phủ, cụ thể:

- Nghề truyền thống không phát triển tính đến thời điểm hiện tại.
- Nghề hiện nay không còn tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

Nghị định số [52/2018/NĐ-CP](#) ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

Mẫu số 01

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

Số...../BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Báo cáo tình hình hoạt động của xã, huyện/TP

.....

Căn cứ Công văn của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc rà soát công nhận, thu hồi quyết định công nhận Làng nghề.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Ủy ban nhân dân xã... báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề..... xã , cụ thể như sau:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh của “Làng nghề, nghề truyền thống, nghề truyền thống...”

- Năm Thành lập
- Quyết định công nhận Làng nghề...
- Tóm tắt tình hình hoạt động 02 năm gần nhất
- Số lượng hộ làm nghề hiện nay:.....
- Khó khăn:.....

2. Kiến nghị

Đề nghị UBND huyện, thành phố trình cấp có thẩm quyền thu hồi Quyết định công nhận

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND HUYỆN/TP...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /UBND-NN
V/v đề nghị thu hồi bằng công
nhận “.....”

....., ngày tháng năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Báo cáo số..... ngày.... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân cấp xã về báo cáo tình hình hoạt động của Làng nghề

Thực hiện công tác thu hồi công nhận “.....” Cao Bằng, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố..... đề nghị như sau:

I. Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của Làng nghề, Làng nghề truyền thống, Nghề truyền thống đến thời gian hiện tại

1. Tên Làng nghề:; Quyết định công nhận.....
2. Tình hình hoạt động 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.
3. Số hộ làm nghề hiện nay:...../... hộ dân trong làng nghề, chiếm..... %.
4. Các điều kiện về bảo vệ môi trường làng nghề (nếu có).

II. Kiến nghị, đề xuất

Hiện nay tình hình hoạt động của..... ; Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ “.....” không đạt theo tiêu chí quy định trong 02 năm gần đây (202..... - 202 ..).

....., UBND huyện..... kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định thu hồi bằng công nhận “.....” theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Nông nghiệp huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

VI. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (02 TTHC)

1. Tên thủ tục: Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Báo cáo tình hình sinh vật gây hại: Căn cứ điều kiện công bố dịch hại thực vật quy định tại Điều 4 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch.

- **Bước 2:** Quyết định công bố dịch hại thực vật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do người có thẩm quyền công bố dịch hoặc cấp phó của người đó làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi, đề xuất với người có thẩm quyền về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.

- **Bước 3:** Công bố Quyết định: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình đề nghị công bố dịch (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Công bố dịch hại thực vật trong trường hợp: Khi sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

- Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

+ Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật;

+ Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch.

- Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

+ Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Mẫu 1: Tờ trình đề nghị công bố dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: /TTr-SNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày...thángnăm 200....

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị công bố dịch (tên dịch hại).....trên (tên cây trồng).....
trên địa bàn**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Nội dung tờ trình gồm 3 phần như sau:

Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có các phương án chống dịch khả thi).

Phần 3: Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).

(Đính kèm Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch tại địa phương của Chi cục Bảo vệ thực vật/Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...thángnăm 20....

BÁO CÁO

Tình hình (tên sinh vật gây hại) (tên cây trồng) **trên địa bàn**
(Kèm theo Tờ trình số.....ngày.....của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI

1. Thời tiết (tỉnh/vùng): Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.
2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển
Báo cáo tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.
3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thông kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (bảng thống kê kèm theo)

II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện
(Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện)
2. Kết quả phòng trừ.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch
Gồm: Giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng; Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng; Yếu tố thời tiết; Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh; Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh); Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.
2. Dự kiến:
 - Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;
 - Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;
 - Địa điểm bùng phát dịch hại;
 - Khả năng gây thiệt hại năng suất (%).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm BVTV vùng;
-
- Lưu: VT, BVTV.

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHIỄM
(tên dịch hại) hại (tên cây trồng).....

Đến ngày Tháng năm

(Kèm theo Tờ trình số : Ngày.... tháng ... năm.... của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tỉnh/Huyện /Xã	Giai đoạn sinh trưởng của cây trồng	Diện tích nhiễm (ha)									Diện tích nhiễm dự kiến (ha)	Ghi chú
			Tổng số			Nặng			Mất trắng				
			Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liên kề (ha) *	So với TB 02 năm trước liên kề (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liên kề (ha)	So với TB 02 năm trước liên kề (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liên kề (ha)	So với TB 02 năm trước liên kề (%)		

(*) Tổng diện tích nhiễm của 02 năm liên kề chia trung bình

Mẫu 3: Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/ THÀNH PHỐ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....thángnăm 20....

QUYẾT ĐỊNH

***Về việc công bố dịch (tên dịch hại) ... hại (tên cây trồng)
trên địa bàn (xã/huyện/tỉnh)***

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ

Các căn cứ Pháp lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số: ngày
... tháng ... năm....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố dịch (tên dịch hại)... hại (tên cây trồng) trên phạm vi
(xã/huyện/tỉnh).... từ ngày

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ
thể)

Một số nội dung tham khảo:

- Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công bố
dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo chống
dịch;

- Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ để
tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;

- Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại ... và biện pháp chống dịch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

2. Tên thủ tục: Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) *Trình tự thực hiện:*

- **Bước 1:** Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch

Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Bước 2:** Quyết định công bố hết dịch hại thực vật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố hết dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

- **Bước 3:** Công bố Quyết định

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

b) **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ, gồm:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã /huyện/tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

d) **Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định;

đ) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố.

e) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố hết dịch hại theo mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

h) **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

i) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

k) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì người có thẩm quyền công bố hết dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định công bố hết dịch.

l) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Mẫu 4: Tờ trình đề nghị công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày...thángnăm 20....

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị công bố hết dịch (tên dịch hại)....hại (tên cây trồng)
trên địa bàn ...**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần chính:

Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất.

Phần 3: Kiến nghị cấp trên.

(Đính kèm báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Chi cục Bảo vệ thực vật/ Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch phê duyệt và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 5: Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã, huyện, tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
Số:

....., ngày...thángnăm 20....

QUYẾT ĐỊNH

***Về việc công bố hết dịch (tên dịch hại) ... hại (tên cây trồng) ...
trên địa bàn (xã/huyện/tỉnh)***

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Các căn cứ Pháp lý;

Căn cứ khả năng và tình hình thực tế của (tên dịch hại)...hại (tên cây trồng)... hiện nay trên địa bàn toàn (xã, huyện, tỉnh)

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số: .. ngàytháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hết dịch (tên dịch hại).trên phạm vi . từ (thời gian)

Điều 2. Giao các sở, ban, ngành (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm:

Một số nội dung tham khảo:

- Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quyết định công bố hết dịch;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch hại trên đồng ruộng, thực hiện các biện pháp phòng, trừ, ngăn ngừa sự bùng phát trở lại của dịch hại;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc dự báo dịch hại, duy trì chế độ báo cáo; báo cáo ngay khi dịch có nguy cơ bùng phát trở lại.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
-
- Lưu.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

VII. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (02 TTHC)

1. Tên thủ tục: Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- **Bước 2:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt) để tổng hợp.

1.2. **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

1.3. **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tờ trình đề nghị ban hành Danh mục.

1.4. **Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định.

1.5. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.6. **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

1.8. **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

1.9. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

1.10. **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

1.11. **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu.

2. Tên thủ tục: Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung

1.1. Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua phần mềm quản lý văn bản.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị ban hành Kế hoạch.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.